

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS -ST
Ngày: 28-6- 2023
V/v: “ T/c yêu cầu hoàn trả tiền
chi trả hộ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Khắc Quế, bà Nguyễn Thị Hạnh;
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bắc – Thư ký Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh– Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2022/TLST- DS ngày 03 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp yêu cầu hoàn trả tiền chi hộ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần chứng khoán A (viết tắt là A); địa chỉ trụ sở: Tầng X, Tòa nhà A, số K, phường N, quận B, Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Mỹ Th; địa chỉ: Số A đường P, phường N, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2021), có mặt.

Bi đơn: Công ty cổ phần sản xuất, thương mại và dịch vụ K (Gọi tắt là Công ty K); địa chỉ trụ sở: Thôn X, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ng – Giám đốc; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2021(nộp tại Tòa án ngày 07/5/2021), các lời khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Cổ phần chứng khoán A,(A), đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/8/2018 ông Mai Thanh Quang nộp đơn khởi kiện A tại Tòa án nhân dân Quận M, TP. Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án buộc A là nơi ông Q làm việc cuối cùng phải tiếp tục toán chế độ trợ cấp thôi việc cho thời gian ông Q công tác tại các đơn vị cũ từ tháng 6/1988 đến hết tháng 7/2005 (17,5 năm) theo mức lương bình quân 06 tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động, cụ thể: 17,5 năm x 4.125.000

đồng = 72.187.500 đồng. Theo bản án số 03/2019/LĐ-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận X, TP. Hồ Chí Minh A phải thanh toán chế độ trợ cấp thôi việc cho ông Q là 72.187.500 đồng. A có quyền yêu cầu Công ty K và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam phải hoàn trả lại số tiền A đã chi trả hộ.

Ngày 24/3/2020 A đã chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông Q 72.187.500 đồng như phán quyết của Tòa án, đồng thời làm văn bản gửi cho Công ty K và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đòi lại số tiền đã chi hộ. Ngày 15/5/2020 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã hoàn trả 49.500.000 đồng mà A đã chi hộ. Số tiền còn lại 22.687.500 đồng A đã thanh toán cho ông Q thì nghĩa vụ hoàn lại thuộc về Công ty K.

Ngày 17/4/2020 A nhận được văn bản của Công ty K với nội dung Nông trường K đã giải quyết xong mọi chế độ cho người lao động và Công ty K không còn liên quan đến việc thanh toán chi trả trợ cấp thôi việc cho ông Mai Thanh Q. Từ tháng 3/2020 A đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị Công ty K trả lại số tiền đã chi hộ nhưng không nhận được phản hồi. Do vậy A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty K hoàn trả cho A số tiền đã chi trả hộ là 30.090.462 đồng, gồm: Tiền trợ cấp thôi việc 22.687.500 đồng; tiền lãi chậm trả tính đến ngày 28/6/2023 là 7.402.962 đồng.

Tại văn bản đề ngày 04/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty K trình bày:

Công ty K không chấp nhận về việc thanh toán tiền cho ông Mai Thanh Q lý do: Ông Mai Thanh Q trước đây là công nhân sản xuất nông nghiệp của Nông trường Dâu tằm tơ K, sau đó xin chuyển công tác đến đơn vị khác. Nông trường Dâu tằm tơ K đã làm các thủ tục cắt chuyển hồ sơ chế độ đến đơn vị mới tiếp nhận. Đến năm 2006 Nông trường Dâu tằm tơ K chuyển qua cổ phần không có công nợ của ông Mai Thanh Q. Công ty K không yêu cầu A chi nhánh miền nam chi trả hộ tiền trợ cấp cho ông Mai Thanh Q.

Bị đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A, buộc Công ty K có nghĩa vụ trả cho A số tiền 22.687.500 đồng đã chi trả hộ và 7.402.962 đồng tiền lãi phát sinh. Buộc Công ty K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền đã chi trả hộ là 22.687.500 đồng và tiền lãi chậm trả 7.402.962 đồng; bị đơn có địa chỉ tại xã Đ, thành phố B, Lâm Đồng; căn cứ khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp yêu cầu hoàn trả tiền chi hộ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không hòa giải;

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Nguyên đơn, bị đơn xác định tranh chấp năm 2020 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền đã chi trả hộ theo bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật là 22.687.500 đồng và tiền lãi chậm trả 7.402.962 đồng; cộng hai khoản là 30.090.462 đồng là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Căn cứ vào bản án số 03/2019/LĐ-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận X, TP. Hồ Chí Minh, A phải thanh toán chế độ trợ cấp thôi việc cho ông Q là 72.187.500 đồng. A có quyền yêu cầu Công ty K và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam hoàn trả lại số tiền A đã chi trả hộ. Bản án đã có hiệu lực pháp luật và A đã chấp hành theo phán quyết của Tòa án. Ngày 15/5/2020 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã hoàn trả 49.500.000 đồng mà A đã chi hộ. Số tiền còn lại 22.687.500 đồng A đã thanh toán cho ông Q thì nghĩa vụ hoàn lại thuộc về Công ty K. Do vậy A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty K hoàn trả lại số tiền đã chi trả hộ là có căn cứ chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi: Áp dụng Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự thì lãi suất chậm trả mà A đã tính là: Số ngày chi trả hộ là 1.191 ngày (từ 24/3/2020 đến 28/6/2023) x 10%/năm x 22.687.500 đồng = 7.402.962 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[4]. Xét ý kiến của Công ty K cho rằng Công ty không còn liên quan đến chế độ của ông Q là không có căn cứ bởi bản án số 03/2019/LĐ-ST của Tòa án nhân dân Quận X TP. Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật, các bên liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

[5]. Về án phí: Công ty K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 274, 275, 280 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

căn cứ khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần chứng khoán A; buộc Công ty cổ phần sản xuất, thương mại và dịch vụ K có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần chứng khoán A số tiền 30.090.462 đồng (*Ba mươi triệu không trăm chín mươi ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng*). Trong đó khoản tiền Công ty Cổ phần chứng khoán A đã chi trả hộ là 22.687.500 đồng (*Hai mươi hai triệu sáu*

trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) và khoản tiền lãi do chậm thanh toán là 7.402.962 đồng (Bảy triệu bốn trăm lẻ hai ngàn chín trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí: Buộc Công ty cổ phần sản xuất, thương mại và dịch vụ K phải chịu 1.504.523 (Một triệu năm trăm lẻ bốn ngàn năm trăm hai ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Trả lại cho Công ty Cổ phần chứng khoán A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 621.311 đồng (Sáu trăm hai mươi một ngàn ba trăm mười một đồng) theo biên lai thu số 0004873 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân :

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP B;
- Chi cục T.H.A.D.S.TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đình Tú

